

**PHỤ LỤC TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày tháng năm 2024
của Sở Công Thương tỉnh Kon Tum).*

| STT | Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 496/BC-STP ngày 31/10/2024 | Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Công Thương |
|------------|---|---|
| | <p>2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng Sở Tư pháp nhận thấy, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật và các nội dung khác có trong các dự thảo. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 1 Quy định dự kiến ban hành kèm theo đề nghị chỉnh lý (1) Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2 như sau cho chính xác, phù hợp: “Quy định này quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.</p> | <p>- Sở Công Thương tiếp thu và đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.</p> |
| | <p>3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại</p> | |

| | |
|--|---|
| một số nội dung sau: | |
| <p>3.1. Đối với dự thảo Nghị quyết 3.1.1. Phần ghi cơ quan ban hành Nghị quyết hiện ghi: “HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XII - KỶ HỌP THỨ TÁM”. Đề nghị sửa lại là: “HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XII - KỶ HỌP THỨ 8”. Tương tự, đoạn cuối Điều 3 dự thảo đề nghị sửa lại như trên.</p> | - Sở Công Thương tiếp thu và đã chỉnh sửa tại phần ghi cơ quan ban hành Nghị quyết. |
| <p>3.1.2. Điều 2 dự thảo dự kiến: “...<i>nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế...</i>”. Sở Tư pháp nhận thấy, Nghị quyết không viện dẫn tới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Các văn bản pháp luật có liên quan được viện dẫn tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý quy định trên để đảm bảo tính chính xác.</p> | - Sở Công Thương tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết. |
| <p>3.2. Đối với dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo 3.2.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại khoản 1 Điều 1 của dự thảo với lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại Mục 2 của Báo cáo này.</p> | - Sở Công Thương tiếp thu và chỉnh sửa tại Điều 1 của dự thảo Quy định. |
| <p>3.2.2. Sở Tư pháp nhận thấy, ngoài nội dung chi và mức chi cho hoạt động khuyến công được quy định tại Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC còn quy định mức chi chung cho hoạt động khuyến công (<i>Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn; Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền</i></p> | - Sở Công Thương tiếp thu và chỉnh sửa tại Điều 2 của dự thảo Quy định. |

| | |
|--|--|
| <p><i>nghề; Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn; Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, hội thảo và diễn đàn tại nước ngoài...).</i> Tuy nhiên, dự thảo Quy định không dự kiến quy định mức chi chung cho hoạt động khuyến công địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định có thực hiện chi cho các nội dung được quy định tại Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC để thực hiện hoạt động khuyến công địa phương hay không. Trường hợp có thực hiện, cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chung cho hoạt động khuyến công địa phương để đảm bảo mức chi cho các nội dung này của hoạt động khuyến công của địa phương thống nhất với mức chi cho các nội dung này của hoạt động khác trên địa bàn tỉnh.</p> | |
| <p>3.2.3. Một số nội dung chi được quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC không được cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng mức chi cụ thể để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (<i>Vi dụ: Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp; Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn; Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp...</i>). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung. Trường hợp không tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quy định mức chi cụ thể cho các nội dung này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, làm rõ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình Hội đồng nhân dân</p> | <p>- Sở Công Thương giữ nguyên dự thảo và giải trình lý do như sau: Căn cứ xây dựng nội dung, mức chi trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 10 Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy chế quản lý kinh phí khuyến công, mức chi cho hoạt động khuyến công, xây dựng và thực hiện đề án từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh Kon Tum. Do đó, Sở Công Thương giữ nguyên dự thảo để phù hợp thực tế tại địa phương và khả năng cân đối NSNN hàng năm hỗ trợ.</p> |

| | | |
|--|--|--|
| | tính. | |
| | <p>4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết có một số nội dung chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽¹⁾; Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>ban hành Quy định/Quy chế...</i>) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>4.1. Theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì sau mỗi căn cứ ban hành văn bản phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;). Tuy nhiên, tại căn cứ ban hành văn bản thứ nhất, thứ hai, cơ quan chủ trì soạn thảo viết liền giữa các căn cứ ban hành văn bản, không xuống dòng là chưa phù hợp với quy định nêu trên. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại cho đúng quy định.</p> | |
| | <p>4.2. Khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 53 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>); khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm d, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</i>) quy định: “<i>Các phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản quy phạm pháp luật</i></p> | <p>- Sở Công Thương tiếp thu và chỉnh sửa tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.</p> |

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

| | |
|---|---|
| <p><i>phải có tên</i>”; “<i>Phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tên, tên là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều</i>”. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung tên của Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết đảm bảo đầy đủ.</p> | |
| <p>4.3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày thứ tự các điểm trong mỗi khoản theo đúng quy định tại điểm đ, khoản 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽²⁾.</p> | <p>- Sở Công Thương đã tiếp thu và chỉnh sửa.</p> |
| <p>4.4. Số trong văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽³⁾.</p> | <p>- Sở Công Thương đã tiếp thu, chỉnh sửa.</p> |
| <p>4.5. Đối với tên gọi của dự thảo Quy định ban hành kèm theo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>ban hành Quy định/Quy chế...</i>) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày đúng.</p> | <p>- Sở Công Thương đã tiếp thu, chỉnh sửa</p> |

⁽²⁾ Thứ tự các điểm trong mỗi khoản dùng các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, **sau có dấu đóng ngoặc đơn**, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng.

⁽³⁾ Số trong văn bản phải được thể hiện bằng số Ả Rập và được chú thích bằng chữ ngay sau phần số, trừ các trường hợp số ở phần mở đầu, phần kết thúc văn bản; số chỉ độ dài của thời hạn, số chỉ thời điểm, số chỉ số lượng của đơn vị đo lường được thể hiện bằng số Ả Rập.